

Số: 470 /QĐ-SLĐTBXH

Tây Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024
cho đơn vị dự toán trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

GIÁM ĐỐC

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Công văn số 824/STC-HCSN ngày 08/3/2024 của Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh về việc dự toán thực hiện các hoạt động trong công tác bảo trợ xã hội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho Văn phòng Sở Lao động – Thương binh và xã hội do cân đối các nội dung chi trong nguồn kinh đảm bảo xã hội (nhiệm vụ được giao), như sau:

Tổng kinh phí điều chỉnh một số nội dung chi trong dự toán đã giao đầu năm 2024 với số tiền: 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) Theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024 được giao, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng phòng chuyên môn, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- KBNN nơi giao dịch;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu :VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Trương Thị Phương Thảo

ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG CHI NSNN TRONG DỰ TOÁN ĐÃ GIAO ĐẦU NĂM 2024

Mã số ĐVSDNS: 1030335 (cấp 1)

Đơn vị SDNS: Văn phòng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Mã số ĐVSDNS: 1030331 (cấp 4)

Mã KBNN nơi giao dịch: 1911

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SLĐTBXH ngày tháng 4 năm 2024 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

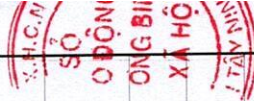
ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh		Dự toán năm 2024 sau khi điều chỉnh		Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1.49trđ lên 1,8 trđ và chính sách ASXH
		Dự toán giao đầu năm 2024	Dự toán NSNN (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1.49trđ lên 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Tăng (+)	Giảm (-)	Dự toán giao đầu năm 2024	Dự toán NSNN (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1.49trđ lên 1,8 trđ và chính sách ASXH)	
I	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí		0					0
1	Số thu phí, lệ phí					0		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		0					0
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước					0		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	34.298.000.000	0	450.000.000	450.000.000	34.298.000.000	34.298.000.000	0
A	Cân đối ngân sách địa phương	34.298.000.000	0	450.000.000	450.000.000	34.298.000.000	34.298.000.000	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0	0	0	0



STT	Nội dung	Dự toán năm 2024 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh		Dự toán năm 2024 sau khi điều chỉnh	
		Trong đó	Trong đó	Tăng (+)	Giảm (-)	Trong đó	Trong đó
2	Nghiên cứu khoa học						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
5	Chi bảo đảm xã hội:	34.298.000.000	34.298.000.000	450.000.000	450.000.000	34.298.000.000	34.298.000.000
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	0				0	0
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	34.298.000.000	34.298.000.000	450.000.000	450.000.000	34.298.000.000	34.298.000.000
	Loại: 370 khoản: 398 (SN xã hội)	32.898.000.000	32.898.000.000	450.000.000	450.000.000	32.898.000.000	32.898.000.000
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	32.898.000.000	32.898.000.000	450.000.000	450.000.000	32.898.000.000	32.898.000.000
	KP Tiền tết Nguyễn dân	0				0	0
	Cứu tế thường xuyên, đột xuất	600.000.000	600.000.000			600.000.000	600.000.000
	KPTH NĐ 20 và Luật NCT nhân ngày 01/10	1.300.000.000	1.300.000.000			1.300.000.000	1.300.000.000
	Thực hiện Chương trình phát triển công tác xã hội theo nhiệm vụ được giao (QĐ 112/QĐ-TTg ngày 22/01/2021)	150.000.000	150.000.000			150.000.000	150.000.000
	Công tác ATLD, VSLD theo QĐ 555/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	600.000.000	600.000.000			600.000.000	600.000.000
	CT BDG và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ	1.000.000.000	1.000.000.000			1.000.000.000	1.000.000.000

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh		Dự toán năm 2024 sau khi điều chỉnh			
		Dự toán giao đầu năm 2024	Trong đó		Tăng (+)	Giảm (-)	Dự toán giao đầu năm 2024	Trong đó	
			Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1.49trđ lên 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1.49trđ lên 1,8 trđ và chính sách ASXH				Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1.49trđ lên 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1.49trđ lên 1,8 trđ và chính sách ASXH
	Hỗ trợ đào tạo nghề bộ đội xuất ngũ	14.000.000.000	14.000.000.000	0		14.000.000.000	14.000.000.000		
	+ Kinh phí giao nhiệm vụ, đặt hàng	13.000.000.000	13.000.000.000			13.000.000.000	13.000.000.000		
	+ Kinh phí hỗ trợ tiền ăn, đi lại	1.000.000.000	1.000.000.000			1.000.000.000	1.000.000.000		
	Chương trình hỗ trợ người cai nghiện ma túy, người bán dâm và nạn nhân bị mua bán	3.000.000.000	3.000.000.000			3.000.000.000	3.000.000.000		
	Thực hiện Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy	260.000.000	260.000.000			260.000.000	260.000.000		
	KH trợ giúp dân di cư tự do từ CPC về VN (y tế, học nghề,...)	2.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000	2.000.000.000		
	Hoạt động quản lý NTLS huyện T. Biên và GD	933.000.000	933.000.000			933.000.000	933.000.000		
	Chi mai táng phí (QĐ 290, NĐ 150, QĐ17, QĐ62)	500.000.000	500.000.000			500.000.000	500.000.000		
	Chi công tác NTLS (SC, mua phân bón cây xanh)	950.000.000	950.000.000			950.000.000	950.000.000		
	Điều dưỡng đối tượng chính sách	2.000.000.000	2.000.000.000		450.000.000	1.550.000.000	1.550.000.000		
	Chi quà các ngày lễ lớn cho đối tượng chính sách	1.200.000.000	1.200.000.000			1.200.000.000	1.200.000.000		
	Cung - Cầu lao động	1.385.000.000	1.385.000.000			1.385.000.000	1.385.000.000		
	Tập huấn điều tra rà soát hộ nghèo	800.000.000	800.000.000			800.000.000	800.000.000		



 BỘ TÀI CHÍNH
 VIỆT NAM

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh		Dự toán năm 2024 sau khi điều chỉnh	
		Dự toán giao đầu năm 2024	Trong đó	Tăng (+)	Giảm (-)	Dự toán giao đầu năm 2024	Trong đó
	Kinh phí giải quyết người lang thang trên địa bàn tỉnh(tổ chức thực hiện công tác thu gom, quản lý..)	20.000.000	20.000.000			20.000.000	20.000.000
	Hỗ trợ đào tạo nghề lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	200.000.000	200.000.000			200.000.000	200.000.000
	Chính sách trợ giúp xã hội theo Khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP			200.000.000		200.000.000	200.000.000
	Thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật theo KH 454/KH-UBND ngày 15/2/2024			250.000.000		250.000.000	250.000.000
	Hỗ trợ khác	2.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000	2.000.000.000
	Loại: 370 khoản: 372 (Hoạt động chăm sóc trẻ em và bảo vệ trẻ em)	1.400.000.000	1.400.000.000		0	1.400.000.000	1.400.000.000
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	1.400.000.000	1.400.000.000		0	1.400.000.000	1.400.000.000
	Công tác chăm sóc trẻ em và bảo vệ trẻ em	1.400.000.000	1.400.000.000			1.400.000.000	1.400.000.000
6	Chi sự nghiệp kinh tế						
7	Chi sự nghiệp BVMT						
8	Chi sự nghiệp VH TT						
9	Chi sự nghiệp PTTH						

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh		Dự toán năm 2024 sau khi điều chỉnh	
		Dự toán giao đầu năm 2024	Dự toán NSNN (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1.49trđ lên 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Tăng (+)	Giảm (-)	Dự toán giao đầu năm 2024	Dự toán NSNN (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1.49trđ lên 1,8 trđ và chính sách ASXH)
			Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1.49trđ lên 1,8 trđ và chính sách ASXH				Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1.49trđ lên 1,8 trđ và chính sách ASXH
10	Chi sự nghiệp TDTT						
B	Chi các chương trình mục tiêu QG, CTMT	0	0			0	0
		0	0			0	0

